TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN S– TP Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 203/2018/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 29 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. Đ

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 201/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+**Ông Mai Dương H**– Sinh năm: 1969 Trú tại: Tổ 78, phường T quận S, Tp Đ

+ **Bà Huỳnh Thị T**– Sinh năm: 1971. Trú tại: Tổ 43,phường H, quận H, Tp Đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Mai Dương H và Bà Huỳnh Thị T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Mai Dương H và Bà Huỳnh Thị T kết hôn vào năm 1997 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T quận S, thành phố Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 276 cấp ngày 01/10/1997. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Mai Dương H trình bày ý kiến: Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Xét về

tình cảm ông H xác định không còn yêu thương bà T nữa nên yêu cầu Tòa án cho vợ chồng ông, bà được thuận tình ly hôn.

- Ý kiến của bà Huỳnh Thị T: Bà T thống nhất như lời trình bày của ông H về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nơi ở sau khi kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng khác nhau về cách sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài làm cho đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Xét về tình cảm bà T xác định không còn yêu thương ông H nữa nên yêu cầu Tòa án cho vợ chồng ông, bà được thuận tình ly hôn

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Dương H và Bà Huỳnh Thị T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông H và bà T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông H và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông H và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Mai Dương H và Bà Huỳnh Thị T xác định có 02 người con chung tên là: Mai Tiểu N, sinh ngày 24.7.1996. Mai Ngọc C, sinh ngày 14.9.2004. Ly hôn ông H và bà T thỏa thuận và thống nhất giao con Mai Ngọc C cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Ngọc đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của Bà Huỳnh Thị T thì thấy phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Mai Dương H và bà Huỳnh Thị T.

[5] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, Vợ chồng ông Mai Dương H và bà Huỳnh Thị T khai không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng ông Mai Dương H và bà Huỳnh Thị T không có tài sản chung.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Mai Dương H và bà Huỳnh Thị T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 009164 ngày 18/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Mai Dương H** và bà **Huỳnh Thị T** *nên Giấy chứng nhận kết hôn số* 276 *do Ủy ban nhân dân phường T quận S, thành phố Đ cấp ngày* 01/10/1997 *không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Về quan hệ con chung: Ông Mai Dương H và Bà Huỳnh Thị T xác định có 02 người con chung tên là: Mai Tiểu N, sinh ngày 24.7.1996. Mai Ngọc C, sinh ngày 14.9.2004. Ly hôn ông H và bà T thỏa thuận và thống nhất giao con Mai Ngọc C cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu N đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng ông Mai Dương H và bà Huỳnh Thị T khai không có nợ chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng ông Mai Dương H và bà Huỳnh Thị T không có tài sản chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Mai Dương H và bà Huỳnh Thị T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 009164 ngày 18/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG